BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST
DN: E=gialongkt01@gmail.com, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0311273634, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST, L=Q.04, S=HỒ CHÍ MINH, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2021-03-30 10:06:34
Foxit Reader Version: 9.7.0

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-33

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc Công ty trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311273634 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2011, đến nay công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 08 năm 2020.

Tên tiếng Anh: Vietourist Travel Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Vietourist JSC.

Mã chứng khoán: VTD.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh:

Thương mại, dịch vụ.

Hoạt động kinh doanh:

- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: hoạt động của các đại lý bán vé máy bay. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động phiên dịch, dịch thuật);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản).

Trụ sở chính: Số 21 đường Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị			**Bổ nhiệm**	**Miễn nhiệm**
Ông	Trần Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT		
Ông	Nguyễn Dương Trung Hiếu	Thành viên		
Ông	Trần Thanh Tú	Thành viên		*12/01/2021*
Bà	Phạm Thị Mai Anh	Thành viên		*20/01/2021*
Bà	Lê Thị Phương Thúy	Thành viên		

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc: (tiếp theo)

Ban Kiểm soát			**Bổ nhiệm**	**Miễn nhiệm**
Bà	Nguyễn Ngọc Huyền	Trưởng ban		
Ông	Nguyễn Tất Thắng	Thành viên		
Ông	Trịnh Tiến Quyết	Thành viên		
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			**Bổ nhiệm**	**Miễn nhiệm**
Ông	Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc		*30/06/2020*
Ông	Nguyễn Dương Trung Hiếu	Tổng Giám đốc	*30/06/2020*	
Ông	Nguyễn Hoàng Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	*30/06/2020*	
Ông	Nguyễn Văn Chệch	Kế toán trưởng	*25/06/2020*	

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Trần Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Trần Văn Tuấn đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Dương Trung Hiếu ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy ủy quyền ngày 02 tháng 01 năm 2021.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

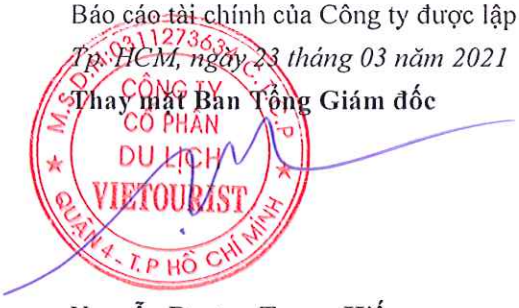

Nguyễn Dương Trung Hiếu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: B0620250-R/AISC-TV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gởi:

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETOURIST

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist** (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist** tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Branch in Ha Noi: 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi Tel: (84.24) 3782 0045 Fax: (84.24) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn
Branch in Da Nang: 350 Hai Phong St., Thanh Khe Dist., Da Nang City Tel: (84.236) 3747 619 Fax: (84.236) 3747 620 Email: danang@aisc.com.vn
Representative in Can Tho: P9019 - A 200 Nguyen Hien St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City Tel: (84.28) 3832 9129 Fax: (84.28) 3834 2957 Email: cantho@aisc.com.vn
Representative in Hai Phong: 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist., Hai Phong Tel: (84.24) 3782 0045 Fax: (84.24) 3782 0048 Email: haiphong@aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo về khoản vốn tăng lên từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2019 từ 18.000.000.000 VND lên 60.000.000.000 VND của Công ty được trình bày trong thuyết minh Mục V.17 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán và Kiểm toán viên khác. Báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 28 tháng 03 năm 2020 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2021

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ HÙNG DŨNG
Số Giấy CNĐKHNKT: 3174-2020-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

TRẦN HẢI SƠN
Số Giấy CNĐKHNKT: 2172-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**52.356.968.880**	**41.471.929.860**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**35.902.606.007**	**677.321.365**
1. Tiền	111		11.402.606.007	677.321.365
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**13.752.205.565**	**35.862.781.374**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.874.069.156	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.798.315.984	27.701.971.555
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	4.400.000.000	4.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	679.820.425	3.760.809.819
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.7**	**2.320.951.728**	**4.849.126.595**
1. Hàng tồn kho	141		2.320.951.728	4.849.126.595
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**381.205.580**	**82.700.526**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	272.190.913	49.314.992
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		109.014.667	33.385.534
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**36.004.237.038**	**35.944.139.352**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**500.000.000**	**550.000.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	500.000.000	550.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**11.337.474.393**	**12.597.781.390**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.337.474.393	12.597.781.390
- Nguyên giá	*222*		*13.494.554.545*	*13.432.281.818*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(2.157.080.152)*	*(834.500.428)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**V.10**	**-**	**22.167.945.452**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	22.167.945.452
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.2**	**19.450.000.000**	**-**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.450.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.716.762.645**	**628.412.510**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.716.762.645	628.412.510
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**88.361.205.918**	**77.416.069.212**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**22.600.061.659**	**14.915.939.648**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**22.600.061.659**	**14.915.939.648**
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	11.260.465.356	6.465.305.644
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.163.230.904	1.875.940.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	559.088.455	1.224.694.004
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	484.797.945	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	-	950.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	9.132.478.999	4.400.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**65.761.144.259**	**62.500.129.564**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.17**	**65.761.144.259**	**62.500.129.564**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*60.000.000.000*	*60.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		461.600.000	461.600.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.299.544.259	2.038.529.564
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*2.038.529.564*	*(2.462.614.988)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*3.261.014.695*	*4.501.144.552*
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**88.361.205.918**	**77.416.069.212**

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Huyền	Nguyễn Văn Chệch	Nguyễn Dương Trung Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	104.171.286.755	145.459.206.938
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	104.171.286.755	145.459.206.938
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	95.747.651.184	135.444.344.382
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**8.423.635.571**	**10.014.862.556**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	626.889.427	830.946.630
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	698.373.540	38.194.872
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*698.373.540*	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	187.369.866	13.530.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	4.254.387.848	5.021.434.051
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	**30**		**3.910.393.744**	**5.772.650.263**
11. Thu nhập khác	31	VI.7	57.226.858	5.500
12. Chi phí khác	32	VI.8	152.517.451	116.980.059
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(95.290.593)**	**(116.974.559)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**3.815.103.151**	**5.655.675.704**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	554.088.456	1.154.531.152
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	**60**		**3.261.014.695**	**4.501.144.552**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**71**	V.11	**544**	**1.575**
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**72**	V.11	**544**	**1.575**

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Huyền	Nguyễn Văn Chệch	Nguyễn Dương Trung Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**3.815.103.151**	**5.655.675.704**
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	1.322.579.724	631.382.144
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(767.012.331)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(580.820.425)	(29.576.127)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	698.373.540	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**5.255.235.990**	**5.490.469.390**
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		38.979.167.101	(1.402.120.887)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		2.528.174.867	(4.849.126.595)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		3.361.927.102	(10.985.158.434)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		1.543.319.396	(632.406.603)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(213.575.595)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.148.210.491)	(478.391.546)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**50.306.038.370**	**(12.856.734.675)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(62.272.727)	(32.781.753.080)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(19.450.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	4.643.127
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(19.512.272.727)**	**(37.177.109.953)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	42.461.600.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.2	12.600.140.343	4.400.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.3	(8.168.621.344)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**4.431.518.999**	**46.861.600.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**35.225.284.642**	**(3.172.244.628)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**677.321.365**	**3.849.057.012**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	508.981
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**V.1**	**35.902.606.007**	**677.321.365**

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Huyền	Nguyễn Văn Chệch	Nguyễn Dương Trung Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311273634 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2011, đến nay công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 08 năm 2020.

Tên tiếng Anh: Vietourist Tourism Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Vietourist JSC.

Mã chứng khoán: VTD.

Trụ sở chính: Số 21 đường Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

3. Hoạt động chính của Công ty

- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: hoạt động của các đại lý bán vé máy bay. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động phiên dịch, dịch thuật
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Trong năm 2020, việc thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ Tướng Chính phủ và các Chỉ thị bổ sung của Thủ Tướng Chính phủ từ số 17/CT-TTg đến số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 do ảnh hưởng của căn bệnh đường hô hấp cấp COVID-19. Trong khoảng thời gian này, tình hình kinh doanh của Công ty đã bị ảnh hưởng nặng nề và gặp một số khó khăn nhất định so với năm trước. Do vậy, Công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh, đầu tư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020, trong đó thông qua việc giao dịch với các bên liên quan nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh, đầu tư mang lại lợi ích cho Công ty.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1 nhân viên (Tổng số nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 6 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1 Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có hai (02) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	*Hoạt động chính*	*Tỷ lệ vốn góp*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Vietech 21 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Xuất bản phần mềm	28,05%	28,05%	28,05%
Công ty Cổ phần Xã hội Hoàng Kim Tây Nguyên 02 Lê Lai, phường Tây Sơn, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	48,00%	48,00%	48,00%

7.2 Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Đà Nẵng	Tầng 3 tòa nhà Indochina Riverside - 74 Bạch Đằng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Cần Thơ	Lầu 4 tòa nhà STS - 11B Hòa Bình, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Huế	23 Hà Nội, phường Phú Nhuận, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Nha Trang	Phòng 4B tòa nhà Nha Trang Tower - 38-40 Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Hà Nội	Tầng 6 tòa nhà Indochina Plaza - 241 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Hải Phòng	Phòng 402 tầng TTĐH Nhà khách Hải Quân - 5 Lý Tự Trọng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Bình Định	5 Phan Kế Bính, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - An Giang	21A Trần Nhật Duật, phường Long Mỹ, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Gia Lai	18 Lê Lai, phường Tây Sơn, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Phú Yên	83/8 Lê Thành Phương, phường 8, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist - Vũng Tàu	30 Phạm Thế Hiển, phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền: bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật và kiến trúc	*40 năm*
Phương tiện vận tải	*05 - 07 năm*

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới công trình như: chi phí xây dựng; chi phí thiết bị và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chí phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, vay cá nhân, vay tổ chức (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Năm 2020, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020, Công ty được hưởng mức giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 vì đang nằm ở trường hợp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

15. Công cụ tài chính

15.1 Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

15.2 Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền	**11.402.606.007**	**677.321.365**
Tiền mặt	4.023.219.855	345.722.320
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.379.386.152	331.599.045
Các khoản tương đương tiền	**24.500.000.000**	-
Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng	24.500.000.000	-
Cộng	**35.902.606.007**	**677.321.365**

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2020		01/01/2020	
Dài hạn	**Giá gốc**	**Giá trị hợp lý (*)**	**Giá gốc**	**Giá trị hợp lý (*)**
Đầu tư vào công ty liên kết	19.450.000.000	19.450.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Vietech (1)	*5.050.000.000*	*5.050.000.000*	-	-
Công ty Cổ phần Xã Hội Hoàng Kim Tây Nguyên (2)	*14.400.000.000*	*14.400.000.000*	-	-
Cộng	**19.450.000.000**	**19.450.000.000**	-	-

(1) Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist mua 505.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Vietech theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316063542 ngày 13/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp với vốn điều lệ là 18.000.000.000 đồng. Tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 28,05% tại thời điểm góp vốn.

(2) Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist mua cổ phần của Công ty Cổ Phần Xã Hội Hoàng Kim Tây Nguyên là 14.400.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901054923 ngày 23/02/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Tỷ lệ quyền biểu quyết đạt 48% tại thời điểm góp vốn.

(*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý tại thời điểm 31/12/2020 của các khoản đầu tư vào đơn vị chưa đại chúng không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này. Do vậy, Công ty tạm trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư bằng giá trị ghi sổ.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
Ngắn hạn	**Giá trị**	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Khách hàng trong nước	6.874.069.156	-	-	-
Công ty Cổ phần Dệt May Thời Trang Đa Phước *(bên liên quan) (*)*	6.633.169.156	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Bất Động Sản Luxhomes	240.900.000	-	-	-
Cộng	**6.874.069.156**	-	-	-

(*) Công ty Cổ phần Dệt may Thời trang Đa Phước đã thanh toán đầy đủ toàn bộ số nợ này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
a. Ngắn hạn	**Giá trị**	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Nhà cung cấp trong nước	1.798.315.984	-	27.701.971.555	-
Công ty Cổ phần Gia Lai CTC	-	-	*3.988.985.837*	-
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng TMT	-	-	*3.759.340.000*	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vigo	-	-	*15.084.270.000*	-
Công ty Cổ phần Tiến Phát Sanyo Homes	*1.420.199.000*	-	*1.370.199.000*	-
Công ty TNHH Du Lịch Japan	*236.450.000*	-	*271.961.000*	
Đối tượng khác	*141.666.984*	-	*3.227.215.718*	-
Cộng	**1.798.315.984**	-	**27.701.971.555**	-
b. Trả trước cho người bán là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Gia Lai CTC	-	-	*3.988.985.837*	-
Cộng	-	-	**3.988.985.837**	-

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2020		01/01/2020	
a. Ngắn hạn	**Giá trị**	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (*)	*4.400.000.000*	-	*4.400.000.000*	
Cộng	**4.400.000.000**	-	**4.400.000.000**	-
b. Phải thu về cho vay là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Gia Lai CTC	*4.400.000.000*	-	*4.400.000.000*	-
Cộng	**4.400.000.000**	-	**4.400.000.000**	-

(*) Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist cho Công ty Cổ phần Gia Lai CTC vay theo hợp đồng số: 121219-GIALAI-CTC ngày 12/12/2021, phụ lục hợp đồng số 010506-2020/PLHĐVV ngày 05/06/2020 và phụ lục hợp đồng số 012012-2020/PLHĐVV ngày 20/12/2020. Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động ngắn hạn. Lãi suất 12%/năm, kể từ ngày thứ 181 trở đi lãi suất là 14%/năm, kể từ ngày 01/01/2021 lãi suất là 12,5%/năm. Thời hạn vay kể từ ngày bên đi vay nhận được tiền đến ngày 31/12/2021.

6. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
a. Ngắn hạn	**679.820.425**	-	**3.760.809.819**	-
Tạm ứng	99.000.000	-	3.144.331.362	-
Phải thu khác	-	-	616.478.457	-
Lãi cho vay dự thu	580.820.425	-	-	-
b. Dài hạn	**500.000.000**	-	**550.000.000**	-
Ký cược, ký quỹ	500.000.000	-	550.000.000	-
Cộng	**1.179.820.425**	-	**4.310.809.819**	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	2.320.951.728	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	4.849.126.595	-
Cộng	**2.320.951.728**	-	**4.849.126.595**	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

8. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
a. Ngắn hạn	**272.190.913**	**49.314.992**
Chi phí trả trước khác cần phân bổ	272.190.913	49.314.992
b. Dài hạn	**4.716.762.645**	**628.412.510**
Công cụ dụng cụ xuất dùng	33.126.290	95.079.176
Chi phí sửa chữa văn phòng các chi nhánh (*)	4.683.636.355	533.333.334
Cộng	**4.988.953.558**	**677.727.502**

(*) Theo bảng tổng hợp khối lượng thực hiện ngày 01 tháng 10 năm 2019, Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist thực hiện sửa chữa các văn phòng đại diện, chi nhánh, chi tiết như sau:

Tổng chi phí sửa chữa 5.854.545.452 VND

Thời điểm hoàn thành sửa chữa: 22/12/2019

Tên đơn vị được sửa chữa	Địa chỉ của đơn vị được sửa chữa
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần du lịch Vietourist tại Bình Định	Số 05 Phan Kế Bình - Phường Hải Cảng - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định.
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần du lịch Vietourist tại Hà Nội	Tầng 6, tòa nhà Indochina Plaza, Số 241 đường Xuân Thủy - Phường Dịch Vọng Hậu - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần du lịch Vietourist tại Hải Phòng	Phòng 402, tầng 4, Trung tâm điều hành Nhà khách Hải Quân. S - Phường Hoàng Văn Thụ - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng
Văn phòng chi nhánh Công ty Cổ phần du lịch Vietourist tại Nha Trang	Phòng 4B, Tòa Nhà Nha Trang Tower 38-40 Thống Nhất - Phường Vạn Thạnh - Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần du lịch Vietourist tại Thừa Thiên Huế	23 Đường Hà Nội - Phường Phú Nhuận - Thành phố Huế - Thừa Thiên - Huế
Văn phòng chi nhánh Công ty Cổ phần du lịch Vietourist tại Đà Nẵng	Số Tầng 3, Tòa nhà Indochina Riverside, 74 Bạch Đằng - Phường Hải Châu I - Quận Hải Châu - Đà Nẵng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần du lịch Vietourist tại Cần Thơ	Lầu 4 Tòa Nhà STS - 11B Hòa Bình - Phường Tân An - Quận Ninh Kiều - Cần Thơ

9. Tài sản cố định hữu hình:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.998.000.000	8.434.281.818	**13.432.281.818**
Mua trong năm	-	*62.272.727*	**62.272.727**
Số dư cuối năm	4.998.000.000	8.496.554.545	**13.494.554.545**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	834.500.428	**834.500.428**
Khấu hao trong năm	*124.950.000*	*1.197.629.724*	**1.322.579.724**
Số dư cuối năm	124.950.000	2.032.130.152	**2.157.080.152**
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.998.000.000	7.599.781.390	**12.597.781.390**
Số dư cuối năm	4.873.050.000	6.464.424.393	**11.337.474.393**

* Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.413.210.446 VND

* Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

* Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không phát sinh

* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: Không phát sinh

10. Tài sản dở dang

	31/12/2020		01/01/2020	
Dài hạn	**Giá trị**	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	22.167.945.452	-
Dự án Cảng tại xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Tp. HCM (*)	-	-	*16.313.400.000*	-
Chi phí sửa chữa văn phòng đại diện và chi nhánh công ty	-	-	*5.854.545.452*	-
Cộng	-	-	**22.167.945.452**	-

(*) Theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 12 năm 2020, Công ty không tiếp tục đầu tư vào dự án bến thuyền du lịch nhằm phát triển tuyến du lịch đường sông tại TP. HCM với tổng diện tích đất là 9.415 m2 do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid kéo dài và hệ thống giao thông đường thủy ở Hồ Chí Minh vẫn chưa hoàn thiện. Công ty thực hiện thu hồi toàn bộ tiền mua đất của các cá nhân: ông Trần Văn Tuấn, ông Nguyễn Hồng Huấn, ông Nguyễn Văn Thưởng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Phải trả cho người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	**11.260.465.356**	**11.260.465.356**	**6.465.305.644**	**6.465.305.644**
Văn phòng bán vé Hãng hàng không Turkish Airlines tại Tp. HCM	1.105.999.000	1.105.999.000	-	-
Golden Riders, Inc	1.085.267.048	1.085.267.048	1.085.267.048	1.085.267.048
Infinity Tours and Travel Services	814.925.721	814.925.721	814.934.221	814.934.221
Infiniz Tours & Travel SDN BHD	3.591.490.602	3.591.490.602	3.093.748.417	3.093.748.417
Công ty Cổ phần VNCOOP	2.505.795.825	2.505.795.825	-	-
Đối tượng khác	2.156.987.160	2.156.987.160	1.471.355.958	1.471.355.958
Cộng	**11.260.465.356**	**11.260.465.356**	**6.465.305.644**	**6.465.305.644**
b. Phải trả cho người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Gia Lai CTC	1.373.920.258	1.373.920.258	-	-
Cộng	**1.373.920.258**	**1.373.920.258**	-	-

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood phẩm Bình Dương	289.800.000	1.785.140.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Nam Phương Việt	-	90.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T	123.750.000	-
Khách lẻ	719.680.904	-
Đối tượng khác	30.000.000	-
Cộng	**1.163.230.904**	**1.875.940.000**

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Thuế giá trị gia tăng	7.483.514	-	7.483.514	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.148.210.490	554.088.456	1.148.210.491	554.088.455
Thuế thu nhập cá nhân	69.000.000	-	69.000.000	-
Các loại thuế khác	-	155.926.936	150.926.936	5.000.000
Cộng	**1.224.694.004**	**710.015.392**	**1.375.620.941**	**559.088.455**

14. Chi phí phải trả ngắn hạn	**31/12/2020**	**01/01/2020**
Lãi vay phải trả	484.797.945	-
Cộng	**484.797.945**	**-**

15. Phải trả khác	**31/12/2020**	**01/01/2020**
Ngắn hạn	**-**	**950.000.000**
Nhận ký quỹ ký cược	-	950.000.000
Cộng	**-**	**950.000.000**

16. Vay và nợ thuê tài chính	**31/12/2020**		**01/01/2020**	
	Giá trị	**Số có khả năng trả nợ**	**Giá trị**	**Số có khả năng trả nợ**
Vay ngắn hạn	**9.132.478.999**	**9.132.478.999**	**4.400.000.000**	**4.400.000.000**
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai (1)	*3.400.000.000*	*3.400.000.000*	*4.400.000.000*	*4.400.000.000*
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (2)	*5.732.478.999*	*5.732.478.999*	-	-
Cộng	**9.132.478.999**	**9.132.478.999**	**4.400.000.000**	**4.400.000.000**

Thuyết minh các khoản vay:

(1) Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist vay Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai theo Hợp đồng số 01/HĐVV/DL ngày 12/12/2019. Số tiền vay tối đa: 7.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động ngắn hạn. Thời hạn vay: 60 ngày kể từ ngày được giải ngân. Lãi suất: 0% trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được số tiền giải ngân, 10%/năm từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 60. Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 665836 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp ngày 14/06/2017 đứng tên ông Nguyễn Hồng Huấn.

(2) Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng cấp tín dụng số 26716.20.120.2328031.TD ngày 11/06/2020. Hạn mức tín dụng 1 là 10.000.000.000 VND trong đó, hạn mức cho vay 9.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 5.000.000.000 VND, hạn mức thấu chi 1.000.000.000 VND, tổng dư nợ + bảo lãnh thanh toán tối đa tại mọi thời điểm: trong giai đoạn đầu tối đa là 4.000.000.000 VND, sau khi có thông báo của Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid 19 tối đa là 9.000.000.000 VND; Hạn mức tín dụng 2 là 20.000.000.000 VND trong đó, hạn mức cho vay là 18.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 10.000.000.000 VND, hạn mức thấu chi là 2.000.000.000 VND, tổng dư nợ + bảo lãnh thanh toán tối đa tại mọi thời điểm: trong giai đoạn đầu tối đa là 8.000.000.000 VND, sau khi có thông báo của Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid 19 tối đa là 18.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh tour du lịch của khách hàng giai đoạn 2020-2021. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày ký hợp đồng đến ngày 08/06/2021. Lãi suất: Lãi suất cố định theo văn bản nhận nợ của khách hàng với MB; Lãi suất thả nổi: lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, biên độ lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của khách hàng với MB. Tài sản đảm bảo: (1) Xe ô tô Số khung: 88DPKB000255, Số máy/ Số động cơ: 41E4KC010030 Biển số: 51B-291.20; (2) Xe ô tô Số khung: 8GS4H0513040, Số máy/ Số động cơ: 2GDC185341 Biển số: 51G-396.87; (3) Xe ô tô Số khung: NC1WKN040871, Số máy/ Số động cơ: 4A91GS2087 Biển số: 51H-083.43; (4) Xe ô tô Số khung: 88DPKB000250, Số máy/ Số động cơ: 41E4KC010032 Biển số: 51B-290.92.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	**18.000.000.000**	-	**(2.462.614.988)**	**15.537.385.012**
Tăng vốn trong năm (*)	42.000.000.000	461.600.000	-	42.461.600.000
Lãi trong năm	-	-	4.501.144.552	4.501.144.552
Số dư tại 31/12/2019	**60.000.000.000**	**461.600.000**	**2.038.529.564**	**62.500.129.564**
Số dư tại 01/01/2020	**60.000.000.000**	**461.600.000**	**2.038.529.564**	**62.500.129.564**
Lãi trong năm	-	-	3.261.014.695	3.261.014.695
Số dư tại 31/12/2020	**60.000.000.000**	**461.600.000**	**5.299.544.259**	**65.761.144.259**

(*) Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ từ 18.000.000.000 VND lên 60.000.000.000 VND hoàn thành vào ngày 24/09/2019 và được chấp thuận đăng ký giao dịch bổ sung vào ngày 09/12/2019.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ tại ngày 07/07/2019 và Nghị quyết HĐQT số 03/2019/NQ-HĐQT ngày 19/07/2019	*Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được điều chỉnh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ tại ngày 26/06/2020*	*Tình hình sử dụng vốn thực tế đến thời điểm 31/12/2020*
- Đầu tư đội xe cao cấp để phát triển mảng du lịch nội địa: 22,5 tỷ VND;	- Dừng khoản đầu tư vào đội xe ô tô để đầu tư vào Công ty lữ hành do Công ty định hướng thành lập;	- Công ty đang tiến hành thành lập Công ty lữ hành như phương án điều chỉnh.
- Đầu tư thành lập 20 chi nhánh tại các trung tâm du lịch lớn để đẩy mạnh phát triển du lịch quốc tế: 9,2 tỷ VND;	- Giao cho Hội đồng Quản trị cân đối nguồn vốn Công ty, trực tiếp triển khai các công việc liên quan đến việc thay đổi phương án sử dụng vốn ngay khi đã hoàn thành việc thu hồi khoản tiền đã chuyển.	- Công ty mới thành lập được 7 chi nhánh với chi phí sửa chữa VP đến thời điểm hiện tại là 5,8 tỷ;
- Đầu tư thành lập trung tâm về du lịch: 3 tỷ tuy nhiên đến hiện tại vẫn chưa thành lập trung tâm;		- Công ty đang tiến hành các thủ tục liên quan để thành lập trung tâm du lịch.
- Bổ sung vốn lưu động: 7,3 tỷ VND		- Số vốn còn lại đang được bổ sung lưu động vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

		31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp của các cổ đông	100%	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	**100%**	**60.000.000.000**	**60.000.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	**Năm 2020**	**Năm 2019**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp đầu năm	*60.000.000.000*	*18.000.000.000*
Vốn góp tăng trong năm	-	*42.000.000.000*
Vốn góp cuối năm	*60.000.000.000*	*60.000.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu	**Năm 2020**	**Năm 2019**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*6.000.000*	*6.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	*6.000.000*	*6.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	*10.000*	*10.000*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2020**	**Năm 2019**
Doanh thu bán hàng	68.525.643.146	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ du lịch	35.069.308.056	125.708.226.289
Doanh thu vé máy bay	402.238.281	19.418.034.029
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	174.097.272	332.946.620
Cộng	**104.171.286.755**	**145.459.206.938**

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2020**	**Năm 2019**
Doanh thu bán hàng	68.525.643.146	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ du lịch	35.069.308.056	125.708.226.289
Doanh thu vé máy bay	402.238.281	19.418.034.029
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	174.097.272	332.946.620
Cộng	**104.171.286.755**	**145.459.206.938**

3. Giá vốn hàng bán	**Năm 2020**	**Năm 2019**
Giá vốn hàng bán	64.930.135.912	-
Giá vốn của dịch vụ du lịch	30.458.328.790	117.553.773.078
Giá vốn của dịch vụ vé máy bay	351.659.300	17.815.444.876
Giá vốn của dịch vụ khác	7.527.182	75.126.428
Cộng	**95.747.651.184**	**135.444.344.382**

4. Doanh thu hoạt động tài chính	**Năm 2020**	**Năm 2019**
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	626.889.427	29.576.127
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	801.370.503
Cộng	**626.889.427**	**830.946.630**

5. Chi phí tài chính	**Năm 2020**	**Năm 2019**
Chi phí lãi vay	698.373.540	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	34.358.172
Chi phí tài chính khác	-	3.836.700
Cộng	**698.373.540**	**38.194.872**

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	**Năm 2020**	**Năm 2019**
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	17.900.000	-
Chi phí bằng tiền khác	169.469.866	13.530.000
Cộng	**187.369.866**	**13.530.000**
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	377.614.704	1.462.225.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	681.887.462	153.389.532
Chi phí khấu hao TSCĐ	353.670.636	631.382.144
Thuế, phí, lệ phí	31.744.560	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	880.879.687	2.729.965.748
Chi phí bằng tiền khác	1.928.590.799	41.471.627
Cộng	**4.254.387.848**	**5.021.434.051**

7. Thu nhập khác	**Năm 2020**	**Năm 2019**
Thu nhập khác	57.226.858	5.500
Cộng	**57.226.858**	**5.500**

8. Chi phí khác	**Năm 2020**	**Năm 2019**
Lãi chậm nộp	54.280.140	33.496.051
Các khoản khác	98.237.311	83.484.008
Cộng	**152.517.451**	**116.980.059**

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	**Năm 2020**	**Năm 2019**
Chi phí nhân công	395.514.704	1.462.225.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	353.670.636	631.382.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.628.530.871	138.174.310.130
Chi phí bằng tiền khác	2.811.692.687	211.391.159
Cộng	**100.189.408.898**	**140.479.308.433**

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2020	Năm 2019
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	**3.815.103.151**	**5.655.675.704**
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**142.671.538**	**116.980.056**
- Các khoản điều chỉnh tăng	142.671.538	116.980.056
Chi phí không được trừ	*141.447.440*	*116.980.056*
Chi phí lãi vay không được trừ	*1.224.098*	-
3. Thu nhập chịu thuế năm nay	**3.957.774.689**	**5.772.655.760**
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**791.554.938**	**1.154.531.152**
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	237.466.481	-
7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (**)	**554.088.456**	**1.154.531.152**

(*) Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020, giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

(**) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**3.261.014.695**	**4.501.144.552**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**3.261.014.695**	**4.501.144.552**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	2.858.630
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**544**	**1.575**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**544**	**1.575**

(*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2020.

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

12.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng và công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

12.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	*Dưới 1 năm*	*Từ 1-5 năm*	*Trên 5 năm*	*Tổng cộng*
Các khoản vay và nợ	9.132.478.999	-	-	9.132.478.999
Phải trả người bán	11.260.465.356	-	-	11.260.465.356
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	484.797.945	-	-	484.797.945
Cộng	**20.877.742.300**	-	-	**20.877.742.300**
Ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Các khoản vay và nợ	4.400.000.000	-	-	4.400.000.000
Phải trả người bán	6.465.305.644	-	-	6.465.305.644
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	950.000.000	-	-	950.000.000
Cộng	**11.815.305.644**	-	-	**11.815.305.644**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng các tài sản là xe ô tô: (1) Xe ô tô Số khung: 88DPKB000255, Số máy/ Số động cơ: 41E4KC010030 Biển số: 51B-291.20; (2) Xe ô tô Số khung: 8GS4H0513040, Số máy/ Số động cơ: 2GDC185341 Biển số: 51G-396.87; (3) Xe ô tô Số khung: NC1WKN040871, Số máy/ Số động cơ: 4A91GS2087 Biển số: 51H-083.43; (4) Xe ô tô Số khung: 88DPKB000250, Số máy/ Số động cơ: 41E4KC010032 Biển số: 51B-290.92 làm tài sản cầm cố thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh 20/10 (Thuyết minh số V.16).

Công ty đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 665836 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp ngày 14/06/2017 để đảm bảo cho khoản vay Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai của Ông Nguyễn Hồng Huấn (Thuyết minh số V.16).

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính : *Xem trang 33*

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

+ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

+ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Không phát sinh.

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm	**Năm 2020**	**Năm 2019**
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	12.600.140.343	4.400.000.000

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	**Năm 2020**	**Năm 2019**
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(8.168.621.344)	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Hiện tại, Công ty Cổ phần Du lịch Vietourist đang có các khoản cam kết thuê văn phòng để làm chi nhánh hoạt động kinh doanh.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm Phải thu/(Phải trả)
Công ty Cổ phần Gia Lai CTC	Bên liên quan	Mua dịch vụ	20.638.164.821	(793.099.833)
		Trả tiền dịch vụ	11.526.109.230	
		Cung cấp dịch vụ	11.356.905	-
		Thu tiền dịch vụ	11.356.905	
		Cho vay	12.417.439.506	4.400.000.000
		Thu gốc cho vay	12.417.439.506	-
		Lãi dự thu	580.820.425	580.820.425
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai	Bên liên quan	Trả nợ vay	1.000.000.000	(3.400.000.000)
		Lãi vay	484.797.945	
Công ty Cổ phần Dệt may Thời trang Đa Phước	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	66.475.515.548	6.633.169.156
		Trả tiền dịch vụ	73.108.684.704	
Ông Trần Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	20.000.000	-
		Thu khác	620.152.490	-
		Chi khác	620.152.490	
Ông Nguyễn Dương Trung Hiếu	Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	26.000.000	-

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Hội đồng Quản trị của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: bán hàng hóa, dịch vụ du lịch, dịch vụ bán vé máy bay và dịch vụ khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bán hàng hóa	68.525.643.146	64.930.135.912	3.595.507.234
Dịch vụ du lịch	35.069.308.056	30.458.328.790	4.610.979.266
Dịch vụ bán vé máy bay	402.238.281	351.659.300	50.578.981
Dịch vụ khác	174.097.272	7.527.182	166.570.090
Cộng	**104.171.286.755**	**95.747.651.184**	**8.423.635.571**

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: dịch vụ du lịch, dịch vụ bán vé máy bay và dịch vụ khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Dịch vụ du lịch	125.708.226.289	117.553.773.078	8.154.453.211
Dịch vụ bán vé máy bay	19.418.034.029	17.815.444.876	1.602.589.153
Dịch vụ khác	332.946.620	75.126.428	257.820.192
Cộng	**145.459.206.938**	**135.444.344.382**	**10.014.862.556**

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Huyền	Nguyễn Văn Chệch	Nguyễn Dương Trung Hiếu

VI.13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2020		31/12/2019		31/12/2020	31/12/2019
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	6.874.069.156	-	-	-	6.874.069.156	-
- Phải thu về cho vay	4.400.000.000	-	4.400.000.000	-	4.400.000.000	4.400.000.000
- Phải thu khác	500.000.000	-	550.000.000	-	500.000.000	550.000.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	35.902.606.007	-	677.321.365	-	35.902.606.007	677.321.365
TỔNG CỘNG	**47.676.675.163**	-	**10.027.321.365**	-	**47.676.675.163**	**10.027.321.365**
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	9.132.478.999	-	4.400.000.000	-	9.132.478.999	4.400.000.000
- Phải trả người bán	11.260.465.356	-	6.465.305.644	-	11.260.465.356	6.465.305.644
- Phải trả khác	-	-	950.000.000	-	-	950.000.000
- Chi phí phải trả	484.797.945	-	-	-	484.797.945	-
TỔNG CỘNG	**20.877.742.300**	-	**11.815.305.644**	-	**20.877.742.300**	**11.815.305.644**